

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HSST

Ngày: 30 -5- 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Khương

2. Bà Võ Thị Hoa Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị K Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 52/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh K, (tên gọi khác: R), sinh năm 1998 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố A, Phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Minh V; sinh năm 1976; con bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1976; gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ nhất; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2023, có mặt.

2. Trương Đức H, (tên gọi khác: D), sinh năm 2000 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đức Đ, sinh năm 1971; con bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1976, đều trú tại: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D; gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Phạm Thị Thanh L, sinh năm 2000; con Trương Đức T, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2023, có mặt.

3. Hồ Trọng Đ, (tên gọi khác: B), sinh năm 2003 tại Quảng Trị; nơi cư

trú: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1973; con bà Lê Thị Ngọc O, sinh năm: 1974, đều trú tại: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D; gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: Chưa có: Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2023, có mặt.

4. Trương Đức H1 (tên gọi khác: T), sinh năm 2002 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đức Đ, sinh năm 1971; con bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1976, đều trú tại: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D; gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: Chưa có: Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/11/2023, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Ngọc O; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D, có mặt.

Người làm chứng:

Anh Trương Hữu T, sinh năm: 1999; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 2003; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/11/2023, Nguyễn Minh K mua của một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lý lịch) 01 viên ma túy kẹo và 01 gói ma túy ketamine với giá 2.800.000 đồng tại khu vực cổng chợ đêm Đông Hà và đưa về phòng ngủ của mình cất giấu trong 01 hộp giấy.

Ngày 20/11/2023, Trương Đức H mua 02 túi ma túy Ketamin và 07 viên ma túy “Kẹo” với giá 5.600.000 đồng từ một nam thanh niên (không rõ nhân thân lý lịch) mang về cất giấu ở nhà H.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/11/2023, K rủ H đến nhà K để cùng sử dụng ma túy. Khi đi, H mang theo số ma túy đã mua ngày 20/11/2023. Tại đây, K lấy ma túy ketamine của K ra để cả hai cùng sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, K cất số ma túy Ketamine còn lại vào hộp thì H cũng lấy số ma túy H mang theo bỏ vào hộp của K. K biết H để ma túy trong hộp của mình nhưng không phản đối.

Một lúc sau, H gọi điện thoại cho Trương Hữu T (*trú tại Khu phố A, phường B, thành phố C*), bảo T mang xe đến nhà K cho H mượn. Khi T và Nguyễn Thị H 2 (*bạn của T*) đến, H mượn xe mô tô của T đi.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, H quay về, K rủ H, T và H 2 đến bar Nonstop để chơi. Khi đi K mang theo 01 viên ma túy kẹo và túi zip có chứa ma túy ketamine của K còn lại rồi cùng H đến quán bar. T và H 2 đi xe mô tô của T. K và H vào bàn số 3, K lấy viên ma túy “kẹo” ra bẻ một nửa đưa cho H sử dụng (nửa viên còn lại đặt trên bàn), rồi đi vào nhà vệ sinh, lấy hơn một nửa số ma túy ketamine chứa trong túi zip để vào 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng và chuẩn bị các dụng cụ để mọi người sử dụng, số ma túy còn lại nằm trong túi zip, K cất giấu ở kẽ ghế ngay cạnh vị trí K đang ngồi. Một lúc sau, T và H 2 đến, thấy ma túy đã được đặt sẵn ở trên bàn nên T lấy để sử dụng.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, H nhắn tin rủ Đ lên quán bar Nonstop chơi và được Đ đồng ý. Khi đến trước quán bar, Đ gặp Tốp (*không rõ nhân thân, lai lịch*) nên đứng trò chuyện cùng Tốp. Thấy H đi ra đón Đ, Tốp nhờ H lấy giùm “hộp 5, 3 kẹo” (*hộp 5 tức là 02 chấm ma túy Ketamine, 3 kẹo tức là 03 viên ma túy “Kẹo”*). H đồng ý và nhắn tin đến số điện thoại 0833353332 của Trương Đức H 1 (*em ruột của H*) với nội dung: “mượn h5, 3k”. H 1 nhắn tin lại cho H về Phòng 304, khách sạn Rạng Đông để lấy ma túy. H sử dụng xe của Tốp chở Đ đến khách sạn Rạng Đông (thuộc Khu phố 9, Phường A, thành phố B) để lấy ma túy. Đ liên lạc với H 1 thì được H 1 chỉ địa điểm cất giấu ma túy. Sau khi lấy được ma túy Đ cùng H về lại quán bar Nonstop. H cầm số ma túy vừa lấy được tại khách sạn Rạng Đông giao cho Tốp rồi cùng Đ vào bàn của K tiếp tục sử dụng ma túy.

Khoảng 30 phút sau, Tốp đến trả lại số ma túy lúc H đưa cho Tốp. H cầm gói ma túy Đ đưa và để trên ghế sofa. Khi K, Đ, H đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an thành phố Đông Hà kiểm tra và bắt quả tang.

Trương Đức H 1 sau khi biết H và Đ bị cơ quan Công an bắt nên bỏ trốn khỏi địa phương. Đến 13 giờ 30 phút ngày 24/11/2023, đã tự nguyện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đông Hà đầu thú.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy: Nguyễn Minh K dương tính với ma túy Ketamine. Trương Đức H và Hồ Trọng Đ dương tính với ma túy Ketamine, MDMA, Methamphetamine. Trương Đức Hiền dương tính với ma túy MDMA, Methamphetamine. Trương Hữu T dương tính với ma túy Ketamine. Nguyễn Thị H 2 âm tính với các chất ma túy.

Tại Bản Kết luận giám định số 1175/KL-KTHS ngày 29/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận:

Mẫu MT1: Chất rắn màu trắng, dạng cục, hạt, bột là ma túy, loại

Ketamine, khối lượng mẫu là 2,6732 gam.

Mẫu MT2: Chất rắn màu trắng, dạng cục, hạt, bột là ma túy, loại Ketamine khối lượng mẫu là 0,8530 gam.

Mẫu MT3: Chất rắn màu trắng, dạng cục, hạt, bột là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu là 0,3505 gam.

Mẫu MT4: Chất rắn màu trắng, dạng cục, hạt, bột là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu là 0,5722 gam.

Mẫu MT5: Chất rắn màu trắng, dạng cục, hạt, bột là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu là 0,6247 gam; 06 viên nén màu cam, là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng mẫu là 2,7921 gam; 01 viên nén màu tím là ma túy Methamphetamine, MDMA, khối lượng mẫu là 0,4577 gam.

Cáo trạng số 54/CT-VKSĐH ngày 08/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị truy tố:

Bị cáo Nguyễn Minh K về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trương Đức H về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hồ Trọng Đ và Trương Đức Hiển về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255 và điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K: Từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Đức H: Từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Hồ Trọng Đ và Trương Đức H 1 từ 12 đến 15 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử lý vật chứng:

Ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy. Các vật chứng còn lại không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động thu giữ của Đ. Đây là tài sản của bà Lê Thị

Kim Oanh (mẹ của Đ). Bà Oanh cho Đ mượn nH không biết Đ sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại điện thoại cho bà Oanh là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động thu giữ của K và 01 điện thoại di động thu giữ của H liên quan đến hành vi phạm tội nên cần cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 02 tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng và mệnh giá 10.000 đồng là dụng cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận:

Ngày 21/11/2023, tại nhà của K và tại quán bar Nonstop (Khu phố 4, Phường 2, thành phố Đông Hà), Nguyễn Minh K đã có hai lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và một lần “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với khối lượng 1,1969g Ketamine; 3,2498g Methamphetamine, MDMA. Trương Đức H có một lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và hai lần tàng trữ trái phép chất ma túy; lần 1 tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 1,1969 g Ketamine; 3,2498g Methamphetamine, MDMA; lần 2 tàng trữ trái phép 2,6732 gam Ketamine. Hồ Trọng Đ và Trương Đức H 1 có một lần tàng trữ trái phép 2,6732 gam ma túy Ketamine.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Minh K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Trương Đức H đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Hồ Trọng Đ và Trương Đức H 1 đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo K đã tự nguyện khai số ma túy cất giấu tại nhà K, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hiền sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Minh K là người khởi xướng, có hai lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và một lần tàng trữ trái phép chất ma túy nên vai trò của K cao hơn các bị cáo khác. Trương Đức H là người có một lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, hai lần tàng trữ trái phép chất ma túy, trực tiếp liên hệ với Trương Đức Hiền và chở Hồ Trọng Đ đến địa điểm để lấy ma túy nên vai trò của H cao hơn Đ và H 1. Hồ Trọng Đ và Trương Đức H 1 có vai trò tương đương nhau.

Nhận thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Ma túy hiện đang là một trong những tệ nạn lớn của xã hội, gây tác hại rất nhiều mặt đến đời sống kinh tế, làm mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân sống trên địa bàn và là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng, chống tội phạm.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT 279 là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Các vật chứng còn lại được niêm phong trong phong bì ký hiệu NS12126535 không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 14 Pro Max thu giữ của Đ. Đây là tài sản của bà Lê Thị Ngọc O cho bị cáo Đ mượn sử dụng, bà Oanh xuất trình 01 hóa đơn giá trị gia tăng về việc mua điện thoại vào ngày 09/11/2023, bà O

không biết Đ sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bà O là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 thu giữ của K và 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 11 thu giữ của H liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 02 tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng và 10.000 đồng là dụng cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước

[7] Quá trình điều tra không xác định được lý lịch, địa chỉ của người bán ma túy cho K và H; không xác định được lý lịch của nam thanh niên tên Tốp nên không có căn cứ để xử lý.

Về 1,2035 gam ma túy loại Ketamine thu giữ của K tại quán bar Nonstop. Mục đích K mang theo số ma túy này là để tổ chức cho những người khác sử dụng nH chưa sử dụng hết thì bị phát hiện, bắt giữ nên không xem xét xử lý về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là có căn cứ.

Đối với nguồn gốc số ma túy của Trương Đức H 1, H 1 khai nhận vào ngày 15/11/2023, Hiền được một người đàn ông tên “Thịnh” (không rõ nhân thân, lý lịch) gặp trong một lần đến quán bar DTV ở thành phố Huế cho để sử dụng. Quá trình điều tra chưa xác định được lý lịch, địa chỉ của người này nên chưa có căn cứ để xử lý.

Trương Hữu T là người thụ hưởng trong vụ án “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và không có vai trò gì khác nên không đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự. Ngày 20/3/2024, Công an thành phố Đông Hà đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” là có căn cứ.

Nguyễn Tiến D (chủ quán Nonstop) không biết, không tổ chức cho các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy nên không xử lý hình sự. Ngày 20/12/2023, Công an thành phố Đông Hà đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Nguyễn Thị H 2 không sử dụng trái phép chất ma túy nên không xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Tiếp tục tạm giam các bị cáo thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh K, (tên gọi khác R); Trương Đức H (tên gọi khác D) phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép*”

chất ma túy”;

Bị cáo Hồ Trọng Đ (tên gọi khác Bì) và Trương Đức H 1 (tên gọi khác T) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Minh K: **07** (Bảy) năm **03** (Ba) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và **02** (Hai) năm **03** (Ba) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Minh K phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **09** (Chín) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/11/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm b khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Trương Đức H **02** (Hai) năm **03** (Ba) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và **05** (Năm) năm **03** (Ba) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trương Đức H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **07** (Bảy) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/11/2023.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, bị cáo Hiền được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Hồ Trọng Đ: **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/11/2023.

Trương Đức H 1: **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/11/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT 279 và các vật chứng còn lại được niêm phong trong phong bì ký hiệu NS12126535.

Trả lại cho bà Lê Thị Ngọc O 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số IMEI: 359236733178351, đã qua sử dụng.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, số IMEI: 355319080739001, có gắn sim: 898402000, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 11, màu đen, số IMEI 1: 862788065491364, có gắn sim trên mặt sim số 89840200011263722561, và 01 sim có số: 8984048000337011180, đã qua sử dụng; 02 tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam mệnh giá 2.000 và 10.000 đồng.

(Số vật chứng hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an thành phố Đông Hà với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- CA, VKSND, CCTHADS TP Đông Hà;
- Trại TG; Nhà TG CA tp Đông Hà;
- Các bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vũ Xuân